|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **T THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số: 25/2018/QĐ-UBND | *Đà Nẵng, ngày 12 tháng 7 năm 2018* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về một số nội dung quản lý nhà nước**

**trong lĩnh vực giá trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;'*

*Căn cứ Luật Phí và ỉệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng # năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thỉ hành một so điều của Luật Giá về thấm định giá;*

*Căn cứ Nghị định sổ 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vỉ phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giả, phí, ỉệ phí, hóa đơn;*

*Căn cứ Nghị định so 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chỉ tiết và hướng dân thi hành một so điều của Luật Giả;Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chỉnh phủ sửa đổi, bổ sung một so điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dân một sổ điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dân thực hiện Nghị định sô 77/2013/NĐ-CP; Thông tư sô 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một sỗ điều của Thông tư sổ 56/2014/TT-BTC;*

*Theo đề nghị của Sở'Tài chính tại Tờ trình số 101/TTr-STC ngày 27 tháng 3 năm 2018, Cong van số 2205/STC-GCS ngày 28 tháng 6 năm 2018 vệ ban hành Quy định một sổ nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá, ỷ kiến của Sở Tư pháp tại Công văn sổ 522/STP-XDKTVB ngày 22 thảng 02 năm 2018 và ý kiến thống nhất của UBND thành phố tại phiên họp ngày 31 tháng 5 năm 2018 theo Thông báo số 110/TB-VP ngày 16 tháng 6 năm 2018.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về một số nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

**Điều 2.** Sở Tài chính thành phố Đà Nằng chịu trách nhiệm chủ trì tổ chức triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 3**. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 7 năm 2018 và thay thê Quỵết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014 của ƯBND thành pho Đà Nang ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phô Đà Nẵng.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng ƯBND thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyêt định này thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT.CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Văn Miên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

T**HÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**  Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**QUY ĐỊNH**

**Về** **một số nội dung quản lý** **nhà nước**

**trong lĩnh vực giá trên địa bàn thành phố Đà Nằng**

*( Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND*

*ngày 12 tháng 7 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Pham vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về một số nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá trên địa bàn thành phố, bao gồm: bình ổn giá, đăng ký giá, hiệp thương giá, kiểm tra yếu tố hình thành giá, kê khai giá, niêm yết giá; định giá; thẩm định giá; thanh tra chuyên ngành và xử lý vi phạm vê giá.

Những nội dung khác không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của Luật Giá và pháp luật có liên quan.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn thành phố Đà Nắng.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Mục 1**

**BÌNH ỔN GIÁ, ĐĂNG KÝ GIÁ, HIỆP THƯƠNG GIÁ, KIỂM TRA**

**YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ, KÊ KHAI GIÁ, NIÊM YỂT GIÁ**

**Điều 3. Bình ổn giá, đăng ký giá**

Bình ổn giá thực hiện theo quy định tại Mục 1, Chương III Luật Giá; Mục 1, Chương II Nghị định số 177/2013/NĐ-CP và Khoản 3, 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP; Mục 1, Chương II Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Đăng ký giá thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 17 Luật Giá; Khoản 4, Điêu 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP;^ Điều 4, 5, 6, 7 Thông tư số 56/2014/TT-BTC và Khoản 2, 3, Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC.

**Điều 4. Hiệp thưong giá**

Thực hiện theo quy định tại Mục 3, Chương III Luật Giá; Mục 3, Chương II Nghị định số 177/2013/NĐ-CP; Mục \*3, Chương II Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

**Điều 5. Kiểm tra yếu tố hình thành giá**

Thực hiện theo quy định tại Mục 4, Chương III Luật Giá; Mục 4, Chương II Nghị định số 177/2013/NĐ-CP; Mục 4, Chương II Thông tư số 56/2014/TT-BT

**Điều 6. Kê khai giá**

Thực hiện theo quy định tại Mục 1, Chương III Nghị định số 177/2013/NĐ- CP và Khoản 9, 10 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP; Mục 5, Chương II Thông tư số 56/2014/TT-BTC và Khoản 5, 6, 7, 9 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC.

**Điều 7. Niêm yết giá**

Thực hiện theo quy định tại Mục 2, Chương III Nghị định số 177/2013/NĐ- CP.

**Mục 2**

**ĐỊNH GIÁ**

**Điều 8. Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nưóc định giá; Nguyên tắc định giá của Nhà nưóc; Căn cứ, phương pháp định giá; Trình tự, thời hạn quyết định giá; Điều chỉnh mức giá do Nhà nưóc định giá; Hồ sơ phương án giá**

Thực hiện theo quy định tại Mục 2, Chương III Luật Giá; Mục 2, Chương II Nghị định số 177/2013/NĐ-CP và Khoản 7, 8, Đieu 1 Nghị định sổ 149/2016/NĐ- CP; Mục 2, Chương II Thông tư số 56/2014/TT-BTC và Khoản 4, Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC.

**Điều 9. Quy định về xây dựng, thẩm định phương án giá và trình, quyết định giá đối với hàng hóa, dịch vụ**

1.Danh mục hàng hóa, dịch vụ định giá và trách nhiệm xây dụng, thẩm định, trình và quyết định giá được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

2.Cơ quan chủ trì tổ chức xây dựng phương án giá có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đó trước khi trình thẩm định hoặc quyết định giá.

3.Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của ƯBND thành phố nhưng chưa có quy định về trách nhiệm trong xây dựng, thẩm định, trình và quyết định giá tại Phụ lục kèm theo Quy định này hoặc trong một số trường hợp đặc biệt khác: Căn cứ quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan và thực tế trong quản lý, Sở Tài chính tham mưu UBND thành phố có văn bản giao trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị thực hiện.

**Mục 3**

**THẨM ĐỊNH GIÁ**

**Điều 10. Quản lý nhà nước của UBND thành phố đối vói hoạt động thẩm định giá**

Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu ƯBND thành phố thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của thành phố theo quy định tại Khoản 4, Điều 5 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP.

**Điều 11. Thẩm định giá của Nhà nước**

1.Các trường hợp thực hiện thẩm định giá của Nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 31 và Điều 44 Luật Giá; Khoản 1, Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP.

2.Tài sản có giá trị lớn sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá mà cần thiêt thực hiện thâm định giá của nhà nước được quy định như sau:

a) Mua sắm tài sản công, đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật vê quản lý, sử dụng tài sản công đôi với tài sản có giá trị từ 500 triệu đông trở lên /01 đơn vị tài sản (hoặc 01 loại tài sản) được xác định là tài sản có giá trị lớn.

b) Bán, thanh lý, cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đôi với tài sản có nguyên giá theo sô sách kê toán từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (hoặc 01 loại tài sản) được xác định là tài sản có giá trị lớn.

3.Phân công thực hiện công tác thẩm định giá của nhà nước

a) Sở Tài chính thực hiện công tác thẩm định giá của nhà nước đối với tài sản công thuộc danh mục mua, đi thuê, bán, thanh lý, cho thuê do Chủ tịch UBND thành phố, ƯBND thành phố và HĐND thành phố quyết định.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện thực hiện công tác thẩm định giá của nhà nước đôi với tài sản công thuộc danh mục mua, đi thuê, bán, thanh lý, cho thuê do Chủ tịch UBND quận, huyện và UBND quận, huyện quyêt định.

4.Phương thức, trình tự, thủ tục thẩm định giá của Nhà nước và việc thành lập Hội đông thâm định giá được thực hiện theo quy định hiện hành.

**Mục 4**

**THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VÀ xử LÝ VI PHẠM VỀ GIÁ**

**Điều 12. Thanh tra chuyên ngành về giá, xử lý vi phạm về giá**

1.Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu ƯBND thành phố thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá trong phạm vi địa bàn thành phố theo quy định tại Điêu 9 Luật Giá.

2.Việc xử lý vi phạm về giá thực hiện theo quy định hiện hành.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn**

Ngoài các nhiệm vụ đã được quy định ở trên, các cơ quan chuyên môn có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

**1. Sở Tài chính**

a) Kịp thời tham mưu cho UBND thành phố quyết định áp dụng các biện pháp bình ỗn giá theo thẩm quyền quy định trên cơ sở đề nghị của các Sở, Ban, ngành và ƯBND các quận huyện.

b) Chủ tri, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố do UBND thành phô phân công; báo cáo Bộ Tài chính, ƯBND thành phố về tình hình tô chức thực hiện các biện pháp bình ôn giá do Chính phủ, ƯBND thành phố quyết định áp dụng trên địa bàn thành phố.

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan kiểm tra, kiểm soát các yếu tố hình thành giá các hàng hóa, dịch vụ theo quy định khi có yêu cầu. Kiểm tra các nội dung liên quan đến việc quản lý giá theo thẩm quyền và theo chỉ đạo của UBND thành phố.

d) Tổ chức thu thập thông tin giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ thiết yếu trên địa bàn thành phố báo cáo ƯBND thành phố và Bộ Tài chính theo quy định.

đ) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Du lịch, Sở Giao thông Vận tải, Sở Công thương, Sở Y te, Cục Thuê và các cơ quan chuyên môn rà soát thông kê, báo cáo ƯBND thành phố quyết định điều chỉnh, bổ sung danh sách các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký giá, kê khai giá vào ngày 01 tháng 7 hàng năm hoặc theo yêu cầu của UBND thành phố.

e) Tiếp nhận, rà soát hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá thuộc phạm vi quản lý; hô sơ kê khai giá dịch vụ lưu trú du lịch theo quy định.

g) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng, khai thác và quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu vê giá tại địa phương; phôi hợp với đơn vị quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về giá để kết nối, chia sẻ thông tin từ cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương với cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

**2. Sở Xây dựng**

a) Chủ trì, phối họp với các cơ quan có liên quan xác định và công bố giá vật liệu xây dựng, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiêt bị thi công, chỉ sô giá xây dựng và đơn giá xây dựng nhà, công trình.

b) Theo dõi diễn biến giá vật liệu xây dưng; chủ trì, phối họp với Sở Tài chính báo cáo UBND thành phố biện pháp bình ổn giá.

**3. Sở Y tế**

a) Tổ chức, triển khai hướng dẫn các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý thực hiện đăng ký giá, kê khai giá đối với thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuôc chữa bệnh thiêt yêu sử dụng tại các cơ sở khám chữa bệnh.

b) Cung cấp danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý thực hiện đăng ký giá, kê khai giá gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 6 hàng năm đê tông hợp báo cáo UBND thành phố.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá, bán theo gia niêm yết đối với hàng hoa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý, phát hiện và xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm theo quy định của Luật Giá và các quy định của pháp luật có liên quan.

d) Tiếp nhận, rà soát hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

**4. Sở Công thương**

a) Tổ chức, triển khai hướng dẫn các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý thực hiện đăng ký giá, kê khai giá (bao gồm sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi) theo quy định.

b) Cung cấp danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý thực hiên đăng ký giá, kê khai giá gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 6 hàng năm để tổng hợp báo cáo ƯBND thành phố.

c) Chủ trì, phối họp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá, bán theo giá niêm yết, phát hiện và xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm theo quy định của Luật Giá và các quy định của pháp luật có liên quan.

d) Tiếp nhận, rà soát hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

**5. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn**

Theo dõi diễn biến giá thóc, gạo tẻ thường; phân đạm urê; phân NPK; thuốc bảo vệ thưc vật gồm: thuoc trừ sâu, trừ bệnh, trừ cỏ; vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm, phoi họp với Sở Tài chính báo cáo UBND thành phố biện pháp bình ổn giá và phối họp triển khai thực hiện.

**6. Sở Giao thông Vận tải**

a) Tổ chức, triển khai hướng dẫn các tổ chức, cá nhân kinh doanh thuộc phạm vi quản lý thực hiện kê khai giá hàng hóa, dịch vụ (bao gôm giá cước vận tải) theo quy định.

b) Cung cấp danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý thực hiện kê khai giá gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 6 hàng năm để tổng hợp báo cáo UBND thành phố.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá, bán theo giá niêm yết đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý, phát hiện và xử lý kịp thời đôi với các hành vi vi phạm theo quy định của Luật Giá và các quy định của pháp luật có liên quan.

d) Tiếp nhận, rà soát hồ sơ kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

**7. Sở Du lịch**

a) Phối họp triển khai hướng dẫn các tổ chức, cá nhân kinh doanh thuộc phạm VI quản lý thực hiện kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định.

b) Cung cấp danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch thực hiện kê khai giá gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 6 hàng năm đê tông họp báo cáo UBND thành phố.

c)Phối họp với các cơ quan, đơn vị thực hiện kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá, đăng ký giá, kê khai giá theo quy định.

**8. Sở Kế hoạch và Đầu tu, Cục Thuế thành phố Đà Nằng:** phối họp cung cấp danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá, kê khai giá cho Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 6 hàng năm để tổng họp, báo cáo UBND thành phố.

**9. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Cục Thuế thành phố Đà Nẵng**: phối họp cung cấp giá thị trường đối với các loại tài nguyên cho Sở Tài chính để xây dựng Bảng giá tính thuế tài nguyên hàng năm trên địa bàn thành phố.

**Điều 14. Trách nhiệm của UBND các quận, huyện**

1.Triển khai và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện các chính sách, biện pháp quản lý giá theo thẩm quyền và theo quy định của UBND thành phố.

2.Tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo phân công của UBND thành phô và thực hiện quản lý nhà nước vê giá trên địa bàn của quận, huyện.

3. Cung cấp danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn quận, huyện cho Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 6 hàng năm đê tông hợp, báo cáo UBND thành phố.

4.Tổ chức thu thập thông tin, báo cáo giá thị trường các loại hàng hóa, dịch vụ thiết yếu trên địa bàn theo yêu cầu của ƯBND thành phố và hướng dẫn của Sở Tai chính.

5. Phối hợp với các cơ quan liên quan của thành phố kiểm tra, kiểm soát các yếu tố hình thành giá các hàng hóa, dịch vụ khi có yêu cầu. Báo cáo tình hình thực hiện đăng ký giá, kê khai giá theo chỉ đạo của ƯBND thành phố và hướng dẫn của Sơ Tài chính.

6.Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố do UBND thành phố phân công\*

7. Điều tra, khảo sát và cung cấp giá thị trường đối với các loại tài nguyên cho Sở Tài chính đê xây dựng Bảng giá tính thuê tài nguyên hàng năm trên địa bàn thành phố.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vưóng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị, tô chức và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng họp, báo cáo ƯBND thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù họp./.

**Phụ lục**

**QUỴ ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM TRONG VIỆC XÂY DƯNG, THẨM ĐỊNH,**

**TRÌNH VÀ QUYẾT ĐỊNH GIÁ ĐỐI VỚI MỘT SỐ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**

*(Kèm theo Quy định về một số nội dung quản ỉý nhà nước trong lĩnh vực giá*

*trên địa hàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm Quyết định số 25/ QĐ-UBND*

*ngày 12 tháng 7 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

| **TT** | **Danh mục hàng hóa, dịch vụ** | **Hình**  **thức**  **định**  **giá** | **Cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức xây dựng** | **Cơ quan, đơn vị chủ trì thẩm định** | **Cơ quan, đơn vị trình** | **Cơ quan quyết định** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sờ khám bệnh, chữa bệnh công lập thuộc thành phố quản lý | Giá cụ thể | Sở Y tế | Sở Tài chính | Sở Y tế - UBND thành phố | HĐND thành phố |
| **2** | Giá dịch vụ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập | Giá cụ thể | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Tài chính | Sở Giáo dục và Đào tạo - UBND thành phố | HĐND thành phố |
| **3** | Giá các loại đất (bảng giá đất); giá giao đất, cho thuê đất, mặt nước |  |  |  |  |  |
| **3.1** | Bảng giá đất; Bảng giá đất điều chỉnh | Bảng giá đất | Sở Tài nguyên và Môi trường | Hội đồng thẩm định bảng giá đất | Sở Tài nguyên và Môi trường | UBND thành phố |
| 3.2 | Giá đất bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê không thông qua đấu giá mà diện tích tính thu tiền của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) từ 30 tỷ đồng trở lên. | Giá cụ thể | Sở Tài nguyên và Môi trường | Hội đồng thẩm định giá đất | Sở Tài nguyên và Môi trường | UBND thành phố |
| 3.3 | Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sừ dụng đất; Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê |  |  |  |  |  |
| 3.3.1 | Trường hợp diện tích tính thu tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất đấu giá có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) dưới 30 tỷ đồng | Giá cụ thể | Sở Tài chính |  | Sở Tài chính | Chủ tịch UBND thành phố |
| 3.3.2 | Trường hợp diện tích tính thu tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất đấu giá có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) từ 30 tỷ đồng trở lên | Giá cụ thể | Sở Tài nguyên và Môi trường | Hội đồng thẩm định giá đất | Sở Tài nguyên và Môi trường | Chủ tịch UBND thành phố |
| 3.4 | Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm | Giá cụ thể | Sở Tài chính |  | Sở Tài chính | Chủ tịch UBND thành phố |
| 3.5 | Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thuê đối với đất có mặt nước | Giá cụ thể | Sở Tài chính |  | Sở Tài chính | UBND  thành phố |
| 4 | Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu | Giá cụ thể | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Tài chính | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thon | UBND  thành phố |
| 5 | Giá bán, cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; Giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ờ | Giá cụ thể | Sở Xây dựng | Sở Tài chính | Sở Xây dựng | UBND  thành phố |
| 6 | Giá thực tế xây dựng mới đối với nhà trên địa bàn thành phố | Giá cụ thể | Sở Xây dựng | Sở Tài chính | Sở Xây dựng | UBND  thành phố |
| 7 | Giá bán, cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội do hộ gia đình, cá nhân xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua | Khung  giá | Sở Xây dựng | Sở Tài chính | Sở Xây dựng | UBND  thành phố |
| 8 | Giá nước sạch sinh hoạt | Giá cụ thể | Đơn vị cấp nước sạch | Sở Tài chính | Sở Tài chính | UBND  thành phố |
| 9 | Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách thành phố | Giá cụ thể | Sở quản lý ngành, lĩnh vực | Sở Tài chính | Sở quản lý ngành, lĩnh vực | UBND  thành phố |
| 10 | Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được thành phố đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách thành phố | Giá cụ thể | Sở quản lý ngành, lĩnh vực | Sở Tài chính | Sở Tài chính | UBND  thành phố |
| 11 | Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Thành phố quản lý | Giá cụ thể | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Tài chính | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND  thành phố |
| 12 | Giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường họp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ | Giá cụ thể | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Tài chính | Sở Tài nguyên và Môi trường | UBND  thành phố |
| 13 | Giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ |  |  |  |  |  |
| 13.1 | Chợ được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước |  |  |  |  |  |
| 13.1.1 | Chợ do đơn vị thuộc Thành phố quản lý | Giá cụ thể | Sở Công Thương | Sở Tài chính | Sở Công Thương | UBND  thành phố |
| 13.1.2 | Chợ do đơn vị thuộc cấp quận, huyện quản lý | Giá cụ thể | UBND quận, huyện | Sở Tài chính | UBND  quận,  huyện | UBND  thành phố |
| 13.2 | Chợ được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước | Giá tối đa | Doanh nghiệp, họp tác xã kinh doanh, quản lý chợ | Sở Tài chính | Sở Tài chính | UBND  thành phố |
| 14 | Giá dịch vụ trông giữ xe |  |  |  |  |  |
| 14.1 | Được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước | Giá cụ thể | Sở Công Thương | Sở Tài chính | Sở Tài chính | UBND  thành phố |
| 14.2 | Được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước (trừ dịch vụ trông giữ xe thông thường đã quy định giá tối đa bằng với mức giá cụ thể tại Mục 14.1) | Giá tối đa | Các doanh nghiệp, hộ gia đình kinh doanh dịch vụ trông giữ xe | Sở Tài chính | Sờ Tài chính | UBND  thành phố |
| 15 | Giá dịch vụ sừ dụng đuửng bộ do Thành phố quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh | Giá tối đa | Sở Giao thông Vận tải | Sở Tài chính | Sở Giao thông Vận tải | UBND  thành phố |
| 16 | Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt |  |  |  |  |  |
| 16.1 | Được đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước | Giá tối đa | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Tài chính | Sở Tài chính | UBND  thành phố |
| 16.2 | Được đầu tư từ các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước | Giá tối đa | Chủ đầu tư | Sở Tài chính | Sở Tài chính | UBND  thành phố |
| 17 | Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải |  |  |  |  |  |
| 17.1 | Đối với hệ thống thoát nước, xử lý nước thải được đầu tư từ ngân sách nhà nước | Giá cụ thể | Sở Xây dụng | Sở Tài chính | Sở Tài chính | UBND  thành phố |
| 17.2 | Đối với hệ thống thoát nước, xử lý nước thải được đầu tư từ các nguồn vốn khác | Giá cụ thể | Chủ sở hữu hệ thống | Sở Tài chính | Sở Tài chính | UBND  thành phố |
| 18 | Giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ Container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do Thành phố quản lý | Khung  giá | Sở quản lý ngành, lĩnh vực | Sở Tài chính | Sở quản lý ngành, lĩnh vực | UBND  thành phố |
| 19 | Giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm cảng, bến thủy nội địa, cảng cá), do Thành phố quản lý | Khung  giá | Sở quản lý ngành, lĩnh vực | Sở Tài chính | Sở quản lý ngành, lĩnh vực | UBND  thành phố |
| 20 | Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách nhà nước | Giá cụ thể | Sở Giao thông Vận tải | Sở Tài chính | Sở Tài chính | UBND  thành phố |
| 21 | Giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển | Giá cụ thể hoặc khung giá | Sở Công Thương | Sở Tài chính | Sở Tài chính | UBND  thành phố |
| 22 | Giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo | Giá cụ thể | Sở Giao thông Vận tải | Sở Tài chính | Sở Tài chính | UBND  thành phố |
| **23** | Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn thành phố | Khung giá hoặc giá cụ thể | Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh, khai thác bến xe | Sở Tài chính | Sở Tài chính | UBND  thành phố |
| **24** | Giá vé vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá | Giá cụ thể | Sở Giao thông Vận tải | Sở Tài chính | Sở Giao thông Vận tải | UBND  thành phố |
| **25** | Giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng và giá chuyển nhượng quyền sử dụng phần mộ cá nhân được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước | Giá cụ thể | Sở Xây dựng | Sở Tài chính | Sở Tài chính | UBND  thành phố |
| **26** | Giá tính thuế tài nguyên hàng năm áp dụng trên địa bàn thành phố | Bảng  giá | Sở Tài chính |  | Sở Tài chính | UBND  thành phố |